huān xǐ

欢喜

adjective/noun · joy; happy

Example Sentences

Hái zi men zài gōng yuán lǐ wán de shí fēn huān xǐ
孩子们在公园里玩得十分欢喜。

The children played in the park with great joy.

Tā huān xǐ de tiào le qǐ lái xiàng gè hái zi yí yàng
他欢喜得跳了起来，像个孩子一样。

He jumped for joy like a child.

Trace each character, then write the word on your own.

欢 欢 欢 欢 欢 欢 欢 欢 欢

喜 喜 喜 喜 喜 喜 喜 喜 喜 喜 喜

喜 喜 喜 喜